TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đình Luật.

2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: ÔngVũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 648/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm: 1975 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Cao Xuân N, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-11-2019 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại tòa án nguyên đơn – Bà Trương Thị H trình bày:

Bà Trương Thị H xây dựng gia đình với ông Cao Xuân N vào năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà Hòa và ông N hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N thường xuyên uống rượu say sỉn kiếm chuyện chửi bới vợ con, sự việc đã được chính quyền hòa giải can thiệp, bà Hòa và ông N trở về chung sống. Sau đó đến năm 2019 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do N vẫn chứng nào tật ấy, ông N thường uống

rượu say xỉn kiếm chuyện nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, ông N không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con, bà Hòa và ông N không giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng lớn. Bà Hòa và ông N đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Hòa yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Hòa và ông N có 02 con chung tên Cao Minh D1, sinh năm: 1995 và Cao Minh D2, sinh năm: 1998, hiện các con chung đã trưởng thành nên bà Hòa không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà Hòa và ông N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Cao Xuân N đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông N đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật. Tuy nhiên vụ án còn để kéo dài quá thời hạn xét xử nhưng không có quyết định gia hạn là còn thiếu sót nhưng không gây ảnh hưởng lớn đến nội dung vụ án đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị H yêu cầu ly hôn, với ông Cao Xuân N, đây là quan hệ pháp luật về việc "ly hôn" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Cao Xuân N có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Trương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Cao Xuân N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà H, ông N là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hòa và ông N xây dựng gia đình vào năm 1994 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01 ngày 11/5/1994 tại UBND xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà H và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông N thường uống rượu say xỉn, kiếm chuyện nên vợ chồng thường phát sinh cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, bà H và ông N đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Hiện bà H và ông N đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do bà H và ông N không H giải ở cơ sở nên địa phương không biết được mâu thuẫn giữa bà H và ông N. Tuy nhiên, hiện nay bà H và ông N không sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà H.

Xét yêu cầu của bà H cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà H và ông N phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng từ tháng 01 năm 2020 đến nay bà H và ông N ly thân. Sau khi bà H gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên H giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể H giải được, ông N vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí H giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà H và ông N thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung tên Cao Minh D1, sinh năm: 1995 và Cao Minh D2, sinh năm: 1998, hiện các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H đối với ông Cao Xuân N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Cao Xuân N.

2. Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung tên Cao Minh D1, sinh năm: 1995 và Cao Minh D2, sinh năm: 1998, các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trương Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001499 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã HB;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo